

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 28-8-2020.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Diễm;

Ông Vương Văn Mum.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Tấn A, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 2, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E- Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị F, sinh năm 1980; Nơi ĐKKHKT: Ấp G, xã Thạnh Đức, huyện D, tỉnh E. Nơi tạm trú: Ấp H, xã I, thị xã K, tỉnh E - Vắng mặt có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Tấn A trình bày: Anh và chị F tự chung sống với nhau năm 1998, không có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là vì anh không hiểu biết pháp luật, cứ nghĩ vợ chồng về chung sống với nhau là được. Sau khi chung sống vợ chồng anh cất nhà ra riêng trên đất của cha mẹ anh tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh không biết, vì chị F tự bỏ nhà đi, khi anh đi làm về thì chị đã bỏ về nhà mẹ ruột tại ấp H, xã I, thị xã K, tỉnh E sống đến nay. Sau khi chị F bỏ đi anh không có đi tìm vì ban đầu anh không biết chị đi đâu và

sau này anh cũng không quan tâm tới nữa. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị F

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên Phạm Dị K, sinh ngày 30-5-2000, Phạm Nhựt Q, sinh ngày 22-01-2004, hiện cháu K đã trưởng thành tự đi làm sinh sống, cháu Q đang sống cùng anh. Sau khi ly hôn, cháu K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh yêu cầu được nuôi cháu Q, không yêu cầu chị F cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị F trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh A về ngày tháng chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung và thời gian ly thân là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì cả trước đây do hoàn cảnh khó khăn nên chị đi làm kiếm tiền, từ đó vợ chồng xa cách và không còn tình cảm với nhau. Nay chị đồng ý ly hôn với anh A.

Về con chung: Cháu K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đồng ý giao cháu Q cho anh A nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh A với chị F.

- Về con chung: Cháu Phạm Dị K, sinh ngày 30-5-2000 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Phạm Nhựt Q, sinh ngày 22-01-2004 cho anh A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh A không yêu cầu chị F cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị F vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh A và chị F chung sống với nhau vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn chị F đi làm xa và vợ chồng tình cảm xa cách, dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Hai người đã sống

ly thân từ đó đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân của anh A, chị F không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay anh A yêu cầu ly hôn, áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh A với chị F.

[3] Về con chung: Cháu Phạm Dị K, sinh ngày 30-5-2000 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Cháu Phạm Nhựt Q, sinh ngày 22-01-2004. Xét thấy hiện nay cháu Q đang sống với anh A, anh A có nguyện vọng được nuôi cháu Q và chị F cũng đồng ý giao con cho anh A nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao anh A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh A không yêu cầu chị F cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Tấn A đối với chị Nguyễn Thị F.

2. Về con chung:

- Giao con chung: Cháu Phạm Dị K, sinh ngày 30-5-2000 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Phạm Nhựt Q, sinh ngày 22-01-2004 cho anh A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh A không yêu cầu chị F cấp dưỡng nuôi con.

- Chị F không phải cấp dưỡng nuôi con do anh A không yêu cầu.

- Chị F có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh A đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018178 ngày 27-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Anh A đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Anh A được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị F được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy